BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

Số: 193 /VKNQG-KHVT
V/v báo giá hóa chất phục vụ kiểm nghiệm mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Quý đơn vị

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia đề nghị Quý đơn vị có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật báo giá cung cấp hóa chất phục vụ kiểm nghiệm mẫu theo nội dung như sau:

- Danh mục báo giá: *(Phụ lục đính kèm)*.

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển đến địa chỉ của bên mua, chi phí sửa chữa; bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm. Hàng hóa đảm bảo mới 100%.

- Mục đích báo giá: Mua sắm hóa chất phục vụ kiểm nghiệm mẫu.
- Thời hạn gửi báo giá: trước 14 giờ00 ngày 03 tháng 9 năm 2025.
- Yêu cầu báo giá: 01 bản chính bằng tiếng Việt.
- Hình thức gửi báo giá: Bản cứng (yêu cầu có chữ ký, đóng dấu đỏ của đơn vị).
- Hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 60 ngày kể từ ngày báo giá.
- Địa điểm nhận báo giá: Phòng Kế hoạch, Vật tư và Công nghệ thông tin - Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.

Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật, phường Phú Diễn, Hà Nội.

Điện thoại: 024.3933.5736, Email: khvt@nifc.gov.vn

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Viện trưởng (để b/c);
- PVT. Trần Cao Sơn (để biết);
- Lưu: VT, KHVT, LD.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

Lê Thị Phương Thảo

Phụ lục

DANH MỤC BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 193 /VKNQG-KHVT ngày 25 tháng 8 năm 2025)

Stt	Danh mục hàng hóa	Code	Hãng sản xuất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Delta8-Tetrahydrocannabinol 250 µg/mL in Acetonitrile	DRE-A17405050AL-250	LGC (Đức)	lọ 1ml	1		
2	Delta9-Tetrahydrocannabinol 250 µg/mL in Acetonitrile	DRE-A17405100AL-250	LGC (Đức)	lọ 1ml	1		
3	(-)-Cannabidiol (CBD) 250 µg/mL in Acetonitrile	DRE-A10946000AL-250	LGC (Đức)	lọ 1ml	1		
4	Cannabinol (CBN) 250 µg/mL in Acetonitrile	DRE-A10946200AL-250	LGC (Đức)	lọ 1ml	1		
5	ADB-BUTINACA	29350	Cayman Chemical (Mỹ)	lọ 1mg	1		
6	AB-PINACA	14038	Cayman Chemical (Mỹ)	lọ 1mg	1		
7	Cocaine 1.0 mg/ml in Acetonitrile	LGCAMP1345.05-11	LGC (Đức)	lọ 1ml	1		
8	Codeine	15459	Cayman Chemical (Mỹ)	lọ 5mg	1		
9	Fentanyl	23580	Cayman Chemical (Mỹ)	lọ 5mg	1		
10	(±)-Methadone (hydrochloride)	ISO00145	Cayman Chemical (Mỹ)	lọ 10mg	1		
11	cis-Tramadol hydrochloride	DRE-C17605810	LGC	lọ 50mg	1		
12	Ergometrine (100 µg/mL) /dried down	STD#7014	Pribolab (Trung Quốc)	lọ 5mL	1		
13	Ergometrinine (25 µg/mL) /dried down	STD#7024	Pribolab (Trung Quốc)	lọ 5mL	1		
14	Ergotamine (100 µg/mL) /dried down	STD#7016	Pribolab (Trung Quốc)	lọ 5mL	1		
15	Ergotaminine (25 µg/mL) /dried down	STD#7021	Pribolab (Trung Quốc)	lọ 5mL	1		
16	(+)-Ephedrine (hydrochloride)	14143	Cayman Chemical (Mỹ)	lọ 5mg	1		
17	(1S,2S)-(+)-Pseudoephedrine	14209	Cayman Chemical (Mỹ)	lọ 1mg	1		

Stt	Danh mục hàng hóa	Code	Hãng sản xuất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
18	Rimonabant hydrochloride	DRE-C16814950	LGC (Đức)	lọ 100mg	1		
19	Dihydrocodeine	37884	Cayman Chemical (Mỹ)	lọ 5mg	1		
20	Diazepam	15887	Cayman Chemical (Mỹ)	lọ 25mg	1		
21	Phenobarbital	9001494	Cayman Chemical (Mỹ)	lọ 5mg	1		
22	(±)-Amphetamine (hydrochloride)	14203	Cayman Chemical (Mỹ)	lọ 5mg	1		
23	(+)-Methamphetamine (hydrochloride)	13997	Cayman Chemical (Mỹ)	lọ 5mg	1		
24	3,4-MDMA (hydrochloride)	13971	Cayman Chemical (Mỹ)	lọ 10mg	1		
25	3,4-MDEA (hydrochloride)	14085	Cayman Chemical (Mỹ)	lọ 5mg	1		
26	LSD	37037	Cayman Chemical (Mỹ)	lọ 1mg	1		
27	Ketamine (hydrochloride)	11630	Cayman Chemical (Mỹ)	lọ 5mg	1		
28	Norketamine (hydrochloride)	15787	Cayman Chemical (Mỹ)	lọ 5mg	1		
29	Morphine	15464	Cayman Chemical (Mỹ)	lọ 10mg	1		
30	6-Acetylmorphine	15880	Cayman Chemical (Mỹ)	lọ 5mg	1		
31	Synthetic Cannabinoid Mixture 3	9002568	Cayman Chemical (Mỹ)	1ea	1		
Tổng cộng (chưa bao gồm VAT)							
VAT							
Tổng cộng (đã bao gồm VAT)							
Bằng chữ:							